TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ THUẬN AN** TỈNH BÌNH DƯƠNG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2020/DS-ST
Ngày: 05 – 5 – 2020
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THUẬN AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Khánh Linh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Ngọc Phương;

2. Bà Nguyễn Ngọc Hồng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Ngọc là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thanh Thủy – Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 5 năm 2020, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Thuận An xét xử sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số 291/2019/TLST-DS ngày 16 tháng 12 năm 2019 về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 17/2020/QĐXXST-DS ngày 21 tháng 4 năm 2020, giữa:

1. Nguyên đơn: Công ty Tài chính TNHH MTV Ngân hàng Việt Nam TV; trụ sở: Tầng 2, tòa nhà Ree, số 9 ĐVB, Phường 12, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Đỗ Quốc D, sinh năm 1997; trú tại: 48 NHT, phường ĐK, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, là người đại diện theo ủy quyền (theo văn bản ủy quyền ngày 10/7/2019), có mặt.

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Thu S, sinh năm 1982; trú tại: 49/17 khu phố BP, phường BC, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương (có đơn xin vắng mặt), vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, quá trình tố tụng và tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày:

Vào năm 2016, bà Nguyễn Thị Thu S và Công ty tài chính TNHH MTV Ngân hàng Việt Nam TV (viết tắt là Công ty tài chính) ký hợp đồng tín dụng

dưới hình thức Giấy đăng ký mở & sử dụng tài khoản thanh toán, thẻ ghi nợ dịch vụ ngân hàng điện tử và vay vốn số 20160514-500000-0821 ngày 16/5/2016.

Theo hợp đồng trên, Công ty tài chính đã cho bà Nguyễn Thị Thu S vay số tiền 18.990.000 đồng, trong đó mục đích vay tiêu dùng là 18.000.000 đồng và phí mua bảo hiểm 990.000 đồng; phương thức trả dần trong thời hạn 36 tháng tính từ ngày 16/5/2016; 35 tháng trả 970.000 đồng/tháng, tháng thứ 36 trả 958.000 đồng; lãi suất 45%/năm; hình thức bảo đảm: Không tài sản bảo đảm. BàSđã nhận đủ số tiền trên. Sau khi vay, bị đơn đã trả được 05 tháng với số tiền 5.820.000 đồng. Kể từ ngày 04/7/2017 đến nay, bàSkhông trả tiền nợ gốc, lãi cho Công ty tài chính. Việc bị đơn không trả tiền nợ theo thỏa thuận đã ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn. Do đó, nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả nợ gốc 15.959.015 đồng, tiền lãi 13.128.985 đồng, tổng cộng là 29.088.000 đồng.

Các tài liệu, chứng cứ nguyên đơn cung cấp để chứng minh yêu cầu khởi kiện: Giấy đăng ký mở & sử dụng tài khoản thanh toán, thẻ ghi nợ dịch vụ ngân hàng điện tử và vay vốn số 20160514-500000-0821 ngày 16/5/2016.

Quá trình tham gia tố tụng, tại bản tự khai bị đơn bà Nguyễn Thị Thu S trình bày:

Bà S xác định có ký kết Giấy đăng ký mở & sử dụng tài khoản thanh toán, thẻ ghi nợ dịch vụ ngân hàng điện tử và vay vốn số 20160514-500000-0821 ngày 16/5/2016 với Công ty tài chính để vay số tiền 18.000.000 đồng, phí bảo hiểm 990.000 đồng, tổng cộng là 18.990.000 đồng. Sau khi vay, bị đơn có trả nợ gốc và lãi cho Ngân hàng được 05 tháng với số tiền 5.820.000 đồng. Sau đó, bàSgặp khó khăn về kinh tế nên không trả được nợ cho Công ty tài chính. Bị đơn còn nợ nguyên đơn số tiền nợ gốc 15.959.015 đồng, tiền lãi 13.128.985 đồng, tổng cộng là 29.088.000 đồng. Bị đơn đồng ý trả nợ gốc lãi theo yêu cầu cầu khởi kiện của nguyên đơn và xác định không yêu cầu phản tố trong vụ án. Do đang gặp hoàn cảnh khó khăn về kinh tế nên bàSxin trả dần trên hàng tháng, mỗi tháng trả 1.500.000 đồng cho đến khi trả hết nợ.

Tài liệu, chứng cứ do bị đơn giao nộp: Đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt, chứng minh thư nhân dân.

Tại phiên tòa, người đại diện của nguyên đơn xác định giữ nguyên yêu cầu khởi kiện về nợ gốc, nợ lãi tính đến ngày nộp đơn khởi kiện và yêu cầu lãi suất chậm thi hành án theo khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự. Công ty tài chính không chấp nhận yêu cầu của bàSvề việc xin trả dần hàng tháng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thuận An phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Trong quá trình thụ lý cho đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và các đương sự đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục được pháp luật quy định tại Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Căn cứ vào hồ sơ vụ án, các tài liệu, chứng cứ đã được Hội đồng xét xử xem xét và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, nhận thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên Tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn bà Nguyễn Thị Thu S vắng mặt nhưng có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vụ án vắng mặt bị đơn.

[2] Về quan hệ pháp luật: Công ty Tài chính TNHH MTV Ngân hàng Việt Nam TV khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Nguyễn Thị ThuStrả nợ theo hợp đồng tín dụng mà hai bên đã ký kết nên quan hệ pháp luật trong vụ án này được xác định là Tranh chấp hợp đồng tín dụng theo Khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn bà Nguyễn Thị Thu S đang cư trú tại: 49/17 khu phố BP, phường Bình Chuẩn, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương theo quy định tại Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[4] Về nội dung vụ án: Trong quá trình giải quyết vụ án, giữa nguyên đơn Công ty tài chính TNHH MTV Ngân hàng Việt Nam TV với bị đơn bà Nguyễn Thị Thu S đều thống nhất về việc hai bên có ký kết hợp đồng tín dụng dưới hình thức là Giấy đăng ký mở & sử dụng tài khoản thanh toán, thẻ ghi nợ dịch vụ ngân hàng điện tử và vay vốn số 20160514-500000-0821 ngày 16/5/2016 để vay số tiền 18.000.000 đồng, phí bảo hiểm 990.000 đồng; tổng cộng là 18.990.000 đồng. Mục đích vay tiêu dùng, thời hạn vay 36 tháng. Bị đơn đã nhận đủ số tiền vay trên. Sau khi vay, bị đơn đã trả được 05 tháng với số tiền 5.820.000 đồng và kể từ ngày 04/7/2017 đến nay, bị đơn không trả nợ gốc và lãi nên nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả hết số tiền nợ gốc còn lại là 15.959.015 đồng, tiền lãi 13.128.985 đồng, tổng cộng là 29.088.000 đồng. Bị đơn chấp nhận trả nợ gốc và tiền lãi theo yêu cầu của nguyên đơn, đây là tình tiết sự kiện không cần chứng minh theo quy định tại Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Do bị đơn vi phạm nghĩa vụ trả tiền như đã cam kết trong hợp đồng tín dụng nên nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn phải có nghĩa vụ thanh toán nợ gốc là 15.959.015 đồng, tiền lãi tính đến ngày nộp đơn khởi kiện 13.128.985 đồng, yêu cầu này của nguyên đơn là phù hợp nên có căn cứ chấp nhận.

Tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn tự nguyện không yêu cầu bà S tiếp tục trả lãi theo hợp đồng tín dụng đã được ký kết giữa nguyên đơn và bị đơn trên số tiền 29.088.000 đồng từ ngày nộp đơn khởi kiện cho đến ngày Tòa

án xét xử. Nguyên đơn chỉ yêu cầu Tòa án ghi nhận đối với lãi chậm thi hành án: Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015. Xét đây là sự tự nguyện của nguyên đơn và không trái quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Bị đơn yêu cầu được trả nợ dần 1.500.000 đồng/tháng cho đến khi trả hết số tiền trên nhưng không được nguyên đơn đồng ý. Xét thấy, quá trình thực hiện hợp đồng, bị đơn không thực hiện đầy đủ cam kết với nguyên đơn về việc không trả nợ tiền gốc, lãi theo đúng thỏa thuận của hợp đồng tín dụng đã làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn nên yêu cầu này của bị đơn là không có căn cứ chấp nhận.

Từ phân tích nhận định trên, Hội đồng xét xử có căn cứ chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty Tài chính TNHH MTV Ngân hàng Việt Nam TV đối với bị đơn bà Nguyễn Thị Thu S về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng, buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn nợ gốc là 15.959.015 đồng, tiền lãi 13.128.985 đồng, tổng cộng là 29.088.000 đồng.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa về nội dung vụ án là có cơ sở phù hợp quy định của pháp luật nên chấp nhận.

[5] Án phí: Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 3 Điều 26; Điều 35; Điều 39; Điều 92; Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 266; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 463, Điều 466 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 91 của Luật các tổ chức tín dụng;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty Tài chính TNHH MTV Ngân hàng Việt Nam TV về việc Tranh chấp hợp đồng tín dụng với bị đơn bà Nguyễn Thị Thu S.

Buộc bà Nguyễn Thị ThuScó trách nhiệm trả cho Công ty Tài chính TNHH MTV Ngân hàng Việt Nam TV số tiền nợ gốc là 15.959.015 đồng, tiền lãi 13.128.985 đồng, tổng cộng là 29.088.000 đồng.

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật và có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Thu S phải chịu 1.454.400 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Trả lại cho Công ty Tài chính TNHH MTV Ngân hàng Việt Nam TV số tiền 727.200 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0036611 ngày 09/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Thuận An (nay là thành phố Thuận An), tỉnh Bình Dương.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thành phố Thuận An;
- Chi cục THADS thành phố Thuận An;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Hoàng Thị Khánh Linh